TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **258**/2022/DS-ST
Ngày: 22/8/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quang Liêm
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/DSST ngày 06 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 506/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S;
Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 68/26, đường B, phường B, quận B, Thành phố H *(Văn bản ủy quyền số 1783/2020/UQ-TTT ngày 16/12/2020). (Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1989; *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: số 179/7/19 đường L, phường T, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15 tháng 12 năm 2015, ông Huỳnh Anh T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất 2,6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 228.245.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Huỳnh Anh T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 227.802.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/5/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 12.563.125 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 22/8/2022, ông T còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 12.563.125 đồng;

- Lãi quá hạn: 13.784.208 đồng.

Tổng cộng: 26.347.333 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).*

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Huỳnh Anh T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2022 là 26.347.333 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)*. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả

dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 08/4/2022, ngày 19/5/2022 và ngày 27/6/2022 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn ông Huỳnh Anh T vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa xét xử:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S (do ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời có bản tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu ông Huỳnh Anh T trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 22/8/2022 là 26.347.333 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng),* trong đó: nợ gốc là 12.563.125 đồng và lãi quá hạn là 13.784.208 đồng. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

- Bị đơn ông Huỳnh Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Ngày 15/12/2015, ông Huỳnh Anh T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 228.245.000 đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 227.802.000 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông T thanh toán ngay toàn bộ số tiền tính đến ngày 22/8/2022 là 26.347.333 đồng (trong đó nợ gốc là 12.563.125 đồng và lãi quá hạn là 13.784.208 đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Nhận thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 15/12/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các Điều 93, Điều 94, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 2

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2015. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng. Do bị đơn ông Huỳnh Anh T có nơi cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bị đơn ông Huỳnh Anh T.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 26.347.333 đồng (trong đó: nợ gốc là 12.563.125 đồng và lãi quá hạn là 13.784.208 đồng)

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 15/12/2015 ông T đã ký với Ngân hàng thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ngân hàng và ông T đã thỏa thuận về việc cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 10.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng. Thực hiện hợp đồng, ông T đã giao dịch với tổng số tiền là 228.245.000 đồng, đã thanh toán 227.802.000 đồng. Trong việc thực hiện hợp đồng trên, ông T là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 01/5/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2022 là 26.347.333 đồng (trong đó: nợ gốc là 12.563.125 đồng và lãi quá hạn là 13.784.208 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số tiền 26.347.333 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có căn cứ chấp nhận.

- Xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên.

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Anh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 15/12/2015, tính đến ngày 22/8/2022 là 26.347.333 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)*. Trong đó:

- Nợ gốc: 12.563.125 đồng;

- Lãi quá hạn: 13.784.208 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Anh T phải chịu số tiền 1.317.367 đồng *(Bằng chữ: Một triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 386.756 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng)* theo Biên lai thu số 0071942 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.

3. Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Huỳnh Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp.HCM;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Trang